TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 915/2019/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 364/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh T V B, sinh năm: 1991

Địa chỉ: 212/6 đường số 8, khu phố 6, phường A, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 34, khu phố 1, ấp 3, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Chị H T K, sinh năm: 1993

Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan).

Địa chỉ: Đài Loan.

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 25, phố 2, ấp 2, xã B, huyện K, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, điểm b Khoản 2 Điều 84, Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh T V B, sinh năm: 1991

Địa chỉ: 212/6 đường số 8, khu phố 6, phường X, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 34, khu phố 1, ấp 3, xã C, huyện S, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Chị H T K, sinh năm: 1993

Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan).

Địa chỉ: Đài Loan.

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 25, phố 2, ấp 2, xã C, huyện S, tỉnh Đồng Nai.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Tạ Văn Bình và chị Hứa Thị Kim (Hua Thi Kim) thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao con chung là trẻ T D P, sinh ngày 30/5/2014, quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan) cho chị H T K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành.

Ghi nhận sự thỏa thuận của chị H T K là không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung của anh B.

Anh T V B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không được ai cản trở.

Vì quyền và lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có..

Về án phí: Anh T V B tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2018/0013196 ngày 08/7/2019 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Anh T V B được hoàn lại số tiền 150.000 đồng.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM;

THẨM PHÁN

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đoàn Thị Trang